

Biểu mẫu 01

(Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017)

**UBND HUYỆN GIA LỘC
TRƯỜNG MẦM NON HOÀNG DIỆU**

THÔNG BÁO

**Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non,
năm học 2023– 2024**

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ dự kiến đạt được	<p>1. Chăm sóc, nuôi dưỡng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% trẻ được đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần. - 100% trẻ được cân – đo và theo dõi biểu đồ sức khỏe 3 lần/năm, - 100% trẻ dưới 24 tháng mỗi tháng cân 1 lần và đo 3 tháng/ lần - Trẻ phát triển bình thường: + Cân nặng: 77/78= 98,7 % + Chiều cao: 77/78= 98,7 % - Thấp còi: 1/78 = 1,3% - 100% trẻ có khả năng vận động phù hợp theo độ tuổi, sức khỏe tốt. <p>2. Giáo dục.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 97,7% trẻ đạt các chỉ số đánh giá theo sự phát triển của trẻ. - 97,7% có thói quen tự phục vụ phù hợp độ tuổi. - 95,2% nghe và hiểu được lời nói của người khác, nói được câu đơn giản. Biết diễn đạt hiểu biết thông qua câu nói 	<p>1. Chăm sóc, nuôi dưỡng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% trẻ được đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần. - 100% trẻ được cân và theo dõi biểu đồ sức khỏe 3 lần/năm, đo 2lần/năm. - Trẻ phát triển bình thường: + Cân nặng: 378 /381= 99,2 % + Chiều cao: 378/381= 99,2 % - SDD = 0 - Thừa cân: 2/381 = 0,8% - Thấp còi = 0 - 100% trẻ thích vận động và 96,6% trẻ có kỹ năng vận động khéo léo theo độ tuổi, sức khỏe tốt. <p>2. Giáo dục.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần đầu 96,6% trẻ mẫu giáo đạt các chỉ số đánh giá theo sự phát triển của trẻ. - 93,5% Trẻ có khả năng làm được một số việc tự phục vụ phù hợp độ tuổi, thói quen, nề nếp vệ sinh. - 93,5% Trẻ chủ động tích cực hứng thú tham gia vào các hoạt động giáo dục, tự tin, biết bày tỏ cảm xúc và ý kiến cá nhân phù hợp với độ tuổi, mạnh dạn trong giao tiếp với những người xung quanh, lễ phép với người lớn phù hợp với độ tuổi; biết thân thiện, chia sẻ, hợp tác với bạn bè trong các hoạt động sinh hoạt, vui chơi, học tập phù hợp với độ tuổi, có ý thức về bảo vệ môi trường. - 96,6% trẻ hiểu được các câu nói của

		<p>đơn hoặc cử chỉ tay đưa ra, lắc đầu, gật đầu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 95% Trẻ có hiểu biết ban đầu về bản thân, về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm phù hợp với độ tuổi. 	<p>người khác, sử dụng được các câu nói phức tạp hơn. Biết sử dụng các câu nói lịch sự, lễ phép.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% trẻ biết cầm sách đúng chiều, mở sách xem tranh - 90% trẻ 4 tuổi nhận biết được từ 10-15 chữ cái đầu, trẻ biết cầm bút tập tô, tập đồ các nét chữ cơ bản. - 100% trẻ mẫu giáo lớn nhận biết được 29 chữ cái, cầm bút tô đúng chiều, ngồi đúng tư thế, trẻ nhận biết chữ trong từ.
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - 100% lớp thực hiện có chất lượng chương trình GDMN mới, qui chế chuyên môn và chế độ sinh hoạt trong ngày của trẻ. - 100% trẻ được đánh giá theo "Đánh giá sự phát triển của trẻ" trong chương trình GDMN. 	<ul style="list-style-type: none"> - 100% lớp thực hiện có chất lượng chương trình GDMN mới sau sửa đổi, qui chế chuyên môn và chế độ sinh hoạt trong ngày của trẻ.
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	<ul style="list-style-type: none"> - 95 % trẻ đạt các chỉ số đánh giá theo sự phát triển của trẻ. Trong đó: <ul style="list-style-type: none"> + 97,7% trẻ đạt lĩnh vực phát triển thể chất; + 95 % trẻ đạt lĩnh vực phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội. + 95% trẻ đạt lĩnh vực phát triển nhận thức. 	<ul style="list-style-type: none"> - 95% trẻ mẫu giáo đạt các chỉ số đánh giá theo sự phát triển của trẻ. Trong đó: <ul style="list-style-type: none"> + 97% trẻ MG 3 tuổi; 100% trẻ MG 4 tuổi, 100% trẻ MG 5 tuổi đạt lĩnh vực phát triển thể chất. + 96% trẻ MG 3 tuổi, 98% trẻ MG 4 tuổi, 100% trẻ MG 5 tuổi đạt lĩnh vực phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội. + 94% trẻ MG 3 tuổi, 97% trẻ MG 4 tuổi, 100% trẻ MG 5 tuổi đạt lĩnh vực phát triển ngôn ngữ. + 91,5% trẻ MG 3 tuổi, 95,6% trẻ MG 4 tuổi, 97% trẻ MG 5 tuổi đạt lĩnh vực phát triển nhận thức. + 94,6% trẻ MG 3 tuổi, 95,3% trẻ MG 4 tuổi, 97% trẻ MG 5 tuổi đạt lĩnh vực phát triển thẩm mỹ.
IV	Các hoạt động hỗ trợ	Không có cháu khuyết tật	Không có cháu khuyết tật

trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	Giáo viên có trẻ khuyết tật khắc phục về thời gian bồi dưỡng trẻ khuyết tật đảm bảo sự phát triển cho trẻ về cuối năm bàn giao trẻ lên lớp 1.
---	---

Hoàng Diệu, ngày 10 tháng 10 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
MẦM NON
HOÀNG DIỆU
Nguyễn Thị Mai
Nguyễn Thị Mai

Biểu mẫu 02

(Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

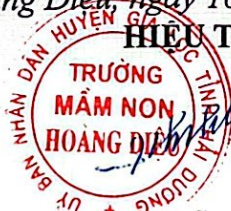
**UBND HUYỆN GIA LỘC
TRƯỜNG MẦM NON HOÀNG DIỆU****THÔNG BÁO**
Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế
Năm học:2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	422	0	23	55	119	107	118
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày	0						
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	422		23	55	119	107	118
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0						
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	422		23	55	119	107	118
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	422		23	55	119	107	118
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	422		23	55	119	107	118
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường	422		23	55	119	107	118
2	Số trẻ suy dinh dưỡng	0		0	0	1	2	0

	<i>thể nhẹ cân</i>							
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	429		23	55	119	107	118
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	1		0	1	0	0	0
5	Số trẻ thừa cân béo phì	2		0	0	0	1	2
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục							
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	89		23	55			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo					119	107	118

Hoàng Diệu ngày 10 tháng 10 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Mai

Biểu mẫu 03

**UBND HUYỆN GIA LỘC
TRƯỜNG MẦM NON HOÀNG DIỆU**

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non,
năm học 2023 – 2024**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	13	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học	13	2
1	Phòng học kiên cố	13	2
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm		
4	Phòng học nhờ	0	
III	Số điểm trường	03	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	6.741,5	15,3
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	3.372	7,68
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	918	2
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	145	0,33
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	354	0,8
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	0	
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	0	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	180	0,41
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	19	0,1 bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	19	
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	25	TT: 11; LH: 7; PL: 7
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	05	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		
1	Bộ thể chất đa năng.	01	
2	Đồ chơi tự làm	65	03 bộ/lớp

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	01	8	6	0,30	0,51
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*		1		0,25	

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	

Hoàng Diệu, ngày 10 tháng 10 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

 * Nguyễn Thị Mai

Biểu mẫu 04
UBND HUYỆN GIA LỘC
TRƯỜNG MẦM NON HOÀNG DIỆU

THÔNG BÁO
Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023 – 2024

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			T	S	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	48			37	4	0	0	0	37	2	31	9	1	
I	Giáo viên	37			31	4	0	0		37	1		8		
1	Nhà trẻ	9			8	1	0			9	0	6	4		
2	Mẫu giáo	28			25	3	0			28	1	24	4		
II	Cán bộ quản lý	3			3					2	1	3			
1	Hiệu trưởng	1			1						1	1			
2	Phó hiệu trưởng	2			2					1		2			
III	Nhân viên	8			1					1					
1	Nhân viên văn thư														
2	Nhân viên kế toán	1			1					1					
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế														
5	Nhân viên nuôi dưỡng	4						4							
6	Bảo vệ, lao công	3						3							

Hoàng Diệu, ngày 10 tháng 10 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG MẦM NON HOÀNG DIỆU
 Nguyễn Thị Mai